

Số: 1956/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
V/v ban hành Quy định công tác thi đua, khen thưởng
trong Đại học Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng trong ngành giáo dục;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Pháp chế và Thi đua.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định công tác thi đua, khen thưởng trong Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 404/QĐ-ĐHTN ngày 20/3/2019 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về Quy định công tác thi đua, khen thưởng trong Đại học Thái Nguyên.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng của Đại học Thái Nguyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *kh*

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ GDĐT (để b/c);
- Ban TĐKT tỉnh TN (để b/c);
- Lưu: VT, PCTĐ.



GS.TS. Phạm Hồng Quang

QUY ĐỊNH

Công tác thi đua, khen thưởng trong Đại học Thái Nguyên

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1956/QĐ-ĐHTN ngày 04 tháng 11 năm 2021
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Văn bản này quy định về công tác thi đua, khen thưởng (TĐKT) trong Đại học Thái Nguyên (ĐHTN), bao gồm: Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và tiêu chuẩn; thẩm quyền, phân cấp, Hội đồng TĐKT; quy trình, thủ tục hồ sơ công nhận, đề nghị sáng kiến và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quỹ TĐKT.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua

a) Các đơn vị thành viên (ĐVTV); Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật; phân hiệu ĐHTN; đơn vị trực thuộc (ĐVTT) và đơn vị thuộc (ĐVT) ĐHTN.

b) Các khoa, phòng, bộ môn và các đơn vị, tổ chức tương đương trực thuộc và thuộc ĐVTV, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, phân hiệu ĐHTN, ĐVTT (sau đây gọi chung là tập thể nhỏ trực thuộc đơn vị cơ sở).

c) Cán bộ, viên chức (CBVC), người lao động (NLĐ) được tuyển dụng từ 10 tháng trở lên và người học trong các đơn vị quy định tại điểm a khoản này.

2. Đối tượng khen thưởng

a) Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này và các cá nhân công tác theo chế độ biệt phái tại các cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) CBVC, NLĐ và người học của ĐHTN đang học tập hoặc làm việc ở các cơ sở giáo dục và đào tạo nước ngoài hoặc tham gia quản lý giáo dục Việt Nam ở nước ngoài.

c) Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhiều đóng góp, hỗ trợ cho sự phát triển của ĐHTN.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này một số từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thi đua là hoạt động có tổ chức với sự tham gia tự nguyện của cá nhân, tập thể nhằm phấn đấu đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Danh hiệu thi đua là hình thức ghi nhận, biểu dương, tôn vinh cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua.

3. Khen thưởng là việc ghi nhận, biểu dương, tôn vinh công trạng và khuyến khích bằng lợi ích vật chất đối với cá nhân, tập thể có thành tích trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

4. Sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận.

5. Thời gian tính thành tích, sáng kiến khi bình xét thi đua: Từ ngày 01/7 của năm trước đến hết ngày 30/6 của năm sau.

6. Hiệu trưởng ĐVTV, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Giám đốc phân hiệu ĐHTN, Thủ trưởng ĐVTT gọi chung là thủ trưởng đơn vị.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua

- a) Tự nguyện, tự giác, công khai.
- b) Đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Nguyên tắc khen thưởng

- a) Chính xác, công khai, công bằng, kịp thời.
 - b) Một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không tặng thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được.
 - c) Bảo đảm thống nhất giữa tính chất, hình thức và đối tượng khen thưởng.
 - d) Kết hợp chặt chẽ động viên tinh thần với khuyến khích bằng lợi ích vật chất.
3. Bảo đảm nguyên tắc bình đẳng giới trong TĐKT.

Điều 5. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

- a) Phong trào thi đua.
- b) Đăng ký tham gia thi đua.
- c) Thành tích thi đua.
- d) Tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

2. Căn cứ xét khen thưởng

- a) Tiêu chuẩn khen thưởng.
- b) Phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích.
- c) Trách nhiệm và hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích.

Điều 6. Yêu cầu đối với xét thi đua, khen thưởng

1. Không áp đặt chỉ tiêu thi đua, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện tham gia thi đua của tập thể, cá nhân theo quy định.

2. Việc xét TĐKT phải căn cứ vào tiêu chuẩn, thành tích đạt được gắn với minh chứng, sản phẩm cụ thể của tập thể, cá nhân; không nhất thiết phải có hình thức khen thưởng mức thấp mới được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp tham gia giảng dạy, lao động, học tập, công tác.

3. Việc đánh giá, công nhận các danh hiệu thi đua và phạm vi ảnh hưởng của thành tích phải căn cứ vào kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, NLĐ, bảo đảm không quá 1/3 số lượng viên chức, NLĐ được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, các hình thức khen thưởng cấp Bộ là cán bộ quản lý.

4. Đối với danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Cờ thi đua của Chính phủ”, “Giấy khen của Giám đốc ĐHTN”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”, “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”, “Huân chương các hạng”: Tập thể, cá nhân được đề nghị xét khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 70% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng hoặc Thường trực Hội đồng TĐKT (theo phân cấp xét thi đua).

5. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, “Anh hùng Lao động”,... Hội đồng phải họp và bỏ phiếu kín; tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải có tỷ lệ phiếu đồng ý từ 90% trở lên tính trên tổng số thành viên của Hội đồng.

6. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được thực hiện theo quy định chung.

7. Hình thức, mức hạng khen thưởng phải phù hợp với thành tích đạt được. Quan tâm khen thưởng tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua; người dân tộc thiểu số, biên giới, biên đảo, miền núi, vùng sâu, vùng xa và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, học tập, công tác.

8. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức, mức hạng khen thưởng theo quy định. Trong báo cáo phải ghi cụ thể số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng của cấp có thẩm quyền; số quyết định, ngày, tháng, năm được công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

9. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

Chưa khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng tập thể, cá nhân trong thời gian cơ quan có thẩm quyền đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang được xác minh làm rõ.

10. Thời gian đề nghị khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian thì việc đề nghị khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

11. Trong 01 năm không đề nghị xét, tặng 02 hình thức khen thưởng cấp Nhà nước cho một tập thể hoặc một cá nhân (trừ khen thưởng đột xuất; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng theo niên hạn).

12. Các cuộc họp xét danh hiệu TĐKT được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng hoặc 2/3 tổng số CBVC và NLĐ tham dự.

Điều 7. Tổ chức bộ máy và nhân sự làm công tác thi đua, khen thưởng

Giám đốc ĐHTN, thủ trưởng đơn vị căn cứ tình hình thực tế và các quy định hiện hành, bố trí bộ phận, biên chế chuyên trách làm công tác TĐKT cho phù hợp để đảm bảo tính ổn định.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ TIÊU CHUẨN

Điều 8. Hình thức tổ chức thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hằng ngày, hằng tháng, hằng quý, hằng năm của đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo đợt (chuyên đề) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm hoặc một lĩnh vực cần tập trung được xác định trong khoảng thời gian nhất định để phân đấu hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Chỉ phát động thi đua theo đợt khi đã xác định rõ thời gian mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung và giải pháp.

Điều 9. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Tổ chức phong trào thi đua gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Phong trào thi đua phải có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ hiểu, có chỉ tiêu, nội dung, kế hoạch, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của tập thể, cá nhân.

2. Triển khai nhiều biện pháp tuyên truyền, vận động CBVC, NLĐ, người học tham gia. Thường xuyên đôn đốc, theo dõi quá trình tổ chức thực hiện; chú trọng công tác chỉ đạo điểm, hướng dẫn, kiểm tra đối với phong trào thi đua có thời gian dài; phát hiện nhân tố mới, điển hình tiên tiến để tuyên truyền, biểu dương, nhân rộng. Sơ kết, tổng kết khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua. Tăng cường phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập.

3. Tổng kết phong trào thi đua phải đánh giá đúng kết quả, hiệu quả, tác dụng; tồn tại, hạn chế và nguyên nhân; đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm trong việc tổ chức phong trào thi đua. Dân chủ, khách quan công khai bình xét, công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

Điều 10. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Giám đốc ĐHTN, thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm chủ trì và phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể cùng cấp tổ chức phát động, cụ thể hóa nội dung, tiêu chí, biện pháp tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng điển hình tiên tiến; phát hiện gương người tốt, việc tốt, có nhiều đổi mới, sáng tạo, trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) xét, khen thưởng kịp thời và tương xứng với thành tích đạt được; kiến nghị đổi mới công tác TĐKT.

2. Ban Pháp chế và Thi đua chủ trì, phối hợp với Văn phòng, các ban chức năng và tương đương, các tổ chức đảng, đoàn thể tham mưu, đề xuất với Giám đốc ĐHTN về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp tổ chức, phát động, chỉ đạo các phong trào thi đua trong ngành Giáo dục; hướng dẫn, đôn đốc, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, công tác khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; là đơn vị đầu mối tiếp nhận thẩm định, trình hồ sơ thi đua, khen thưởng các cấp (thường xuyên, đột xuất, chuyên đề thuộc các lĩnh vực hoạt động).

3. Thủ trưởng đơn vị, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm khen thưởng hoặc đề nghị khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân lập thành tích xuất sắc đột xuất, những gương người tốt, việc tốt tiêu biểu có tác dụng giáo dục, nêu gương, mà không nhất thiết phải gắn với việc tham gia đăng ký thi đua và không cần phải đợi đến lúc tổng kết thi đua.

4. Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với các cấp chính quyền để phát động, triển khai các cuộc vận động, các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng các điển hình tiên tiến.

b) Tham gia với các cơ quan chức năng để tuyên truyền vận động đoàn viên, hội viên, CBVC, NLĐ, người học tham gia phong trào thi đua.

c) Giám sát việc thực hiện pháp luật về TĐKT; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện các quy định của Luật TĐKT và các văn bản pháp luật về TĐKT.

5. Các cơ quan, bộ phận thông tin, truyền thông trong toàn Đại học có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền các văn bản của Nhà nước, quy định của cơ quan, đơn vị về công tác TĐKT; cổ động các phong trào thi đua, tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm Luật TĐKT và các biểu hiện tiêu cực.

Điều 11. Danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân

a) “Lao động tiên tiến”.

b) “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

c) “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”.

d) “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể

a) “Tập thể lao động tiên tiến”.

b) “Tập thể lao động xuất sắc”.

c) “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”.

d) “Cờ thi đua của Chính phủ”.

Điều 12. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” xét tặng cho CBVC, NLĐ đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao.

b) Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị; có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua.

c) Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ.

d) Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

đ) Các tiêu chuẩn khác (nếu có) của ĐHTN hoặc các đơn vị.

2. Cá nhân có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhà nước, của Nhân dân dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế cấp huyện hoặc tương đương trở lên thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để bình xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

3. Cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”. Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng (trong nước hoặc nước ngoài) từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, của ĐHTN, có kết quả học tập từ loại khá trở lên (kết quả học tập của CBVC, NLĐ đi học nước ngoài phải có xác nhận của cơ sở đào tạo) thì được tính để xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Đối với cá nhân chuyển công tác, đơn vị mới có trách nhiệm bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ, trừ trường hợp không còn cơ quan cũ).

Trường hợp cá nhân được điều động, biệt phái đến cơ quan, tổ chức, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc bình xét, tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, tổ chức, đơn vị điều động, biệt phái xem xét quyết định và được cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái xác nhận.

6. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với các cá nhân bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 13. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Đạt các tiêu chuẩn của danh hiệu “Lao động tiên tiến”.
2. Có sáng kiến để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được đơn vị công nhận.

Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Điều 14. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ” (thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật TĐKT và khoản 2 Điều 9 Nghị định 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật TĐKT) được xét tặng cho cá nhân theo quy định như sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong số những cá nhân có ba lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”.

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ” do Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét, công nhận.

Điều 15. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” (thực hiện theo quy định tại Điều 21 Luật TĐKT và khoản 1 Điều 9 Nghị định 91/2017/NĐ-CP) được xét tặng cho cá nhân theo quy định như sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số những cá nhân có hai lần liên tục đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”.

2. Sáng kiến hoặc đề tài nghiên cứu khoa học, để làm căn cứ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải được áp dụng thực tiễn đạt hiệu quả cao và có phạm vi ảnh hưởng trong toàn quốc. Bộ trưởng Bộ GDĐT xem xét, công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp toàn quốc của các sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

Điều 16. Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” (thực hiện theo Điều 28 của Luật TĐKT) được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao.
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả.
3. Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” và không có cá nhân bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.
4. Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị và của ĐHTN.

Điều 17. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” (thực hiện theo Điều 27 của Luật TĐKT) được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Sáng tạo, vượt khó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, thực hiện tốt các nghĩa vụ đối với Nhà nước và ĐHTN;
2. Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, hiệu quả;
3. Có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao, trong đó có ít nhất 70% cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;
4. Có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên;
5. Nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Điều 18. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Bộ Giáo dục và Đào tạo” (thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT ngày 31/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng ngành Giáo dục) tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc nhất và được bình xét dẫn đầu khối thi đua.

2. ĐHTN phân chia khối thi đua để xét, đề nghị tặng Cờ thi đua của Bộ GDĐT cho các tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất, dẫn đầu các khối thi đua tại ĐHTN cụ thể như sau:

- a) Khối các ĐVTV, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật: Đề nghị tặng 01 cờ.
- b) Khối các đơn vị trực thuộc, thuộc ĐHTN; phân hiệu ĐHTN: Đề nghị tặng 02 cờ.
- c) Khối tập thể nhỏ trực thuộc đơn vị cơ sở: Có dưới 20 tập thể nhỏ được đề nghị tặng 01 cờ; có từ 20 tập thể nhỏ trở lên được đề nghị tặng 02 cờ.

3. Tùy vào tình hình thực tiễn tại ĐHTN, Giám đốc ĐHTN quyết định điều chỉnh, bổ sung khối thi đua theo quy định.

Điều 19. Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” (thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) được xét tặng cho các tập thể sau:

1. Là tập thể tiêu biểu xuất sắc dẫn đầu trong số các tập thể đạt tiêu chuẩn Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương. Số lượng tập thể được xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

2. Tập thể tiêu biểu nhất trong phong trào thi đua theo chuyên đề do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động được đánh giá, bình xét, suy tôn khi sơ kết, tổng kết từ 05 năm trở lên.

Điều 20. Khối thi đua do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên thành lập

1. Khối thi đua do Ủy ban Nhân dân (UBND) tỉnh Thái Nguyên thành lập được thực hiện theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của các khối thi đua do UBND tỉnh Thái Nguyên thành lập.

2. Số lượng đơn vị được suy tôn đề nghị UBND tỉnh Thái Nguyên khen thưởng (Cờ thi đua, Bằng khen) không quá 40% tổng số đơn vị thành viên trong khối. Trong đó, đối với khen thưởng Cờ thi đua của UBND tỉnh Thái Nguyên: Khối thi đua có dưới 10 đơn vị được suy tôn 01 đơn vị, khối có từ 10 đơn vị trở lên được suy tôn 02 đơn vị.

Điều 21. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể, cá nhân do cấp trình khen thưởng căn cứ theo quy định xem xét, đánh giá, công nhận.

2. Khen thưởng theo đợt (hoặc chuyên đề) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất.

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm.

Thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất là thành tích đột xuất đạt được ở mức độ đặc biệt xuất sắc khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động trong các giai đoạn cách mạng, giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, có công lao, thành tích xuất sắc, đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam ở một trong các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 22. Các hình thức khen thưởng

Các hình thức khen thưởng gồm:

1. Huân chương.
2. Huy chương.
3. Danh hiệu vinh dự Nhà nước.
4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng nhà nước”.
5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu.
6. Bằng khen.
7. Giấy khen.

Điều 23. “Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên”

1. “Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên” được tặng cho cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Là cá nhân tiêu biểu trong số cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có tác dụng nêu gương, lôi cuốn phong trào thi đua của đơn vị; tỷ lệ cá nhân được Giám đốc ĐHTN tặng giấy khen theo tiêu chuẩn này không quá 5% số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” của đơn vị.

b) Lập thành tích xuất sắc đột xuất.

2. “Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên” được tặng cho tập thể có nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt tiêu chuẩn “Tập thể lao động xuất sắc”; tỷ lệ tập thể được Giám đốc ĐHTN tặng Giấy khen theo tiêu chuẩn này không quá 10% số tập thể nhỏ trực thuộc đơn vị cơ sở.

b) Lập thành tích xuất sắc, đột xuất.

3. “Giấy khen của Giám đốc Đại học Thái Nguyên” được tặng cho người học có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, khởi nghiệp; vượt khó, vươn lên học giỏi, ...

4. Các trường hợp khen thưởng khác do Giám đốc ĐHTN quyết định được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn cụ thể riêng.

Điều 24. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo”

“Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo” (thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT) được xét tặng cho cá nhân, tập thể như sau:

1. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo” tặng cho cá nhân có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ GDĐT phát động.

b) Có 02 năm liên tục được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến cấp cơ sở được công nhận hoặc trong 05 năm trước khi nghỉ theo chế độ bảo hiểm xã hội hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, chưa được Bộ trưởng Bộ GDĐT tặng Bằng khen.

c) Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ GDĐT hoặc có nghĩa cử cao đẹp, hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, đấu tranh với những hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội, có tác dụng nêu gương và được đơn vị, địa phương ghi nhận, tôn vinh.

d) Có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện, khởi nghiệp; có sáng kiến, giải pháp trong nghiên cứu khoa học; vượt khó, vươn lên học giỏi; tham gia có hiệu quả các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện vì cộng đồng được cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận.

đ) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được cơ quan quản lý trực tiếp và đơn vị thụ hưởng xác nhận.

e) Có thời gian công tác từ 05 năm trở lên; có thành tích xuất sắc, đóng góp cho sự phát triển của đơn vị được ghi nhận nhân dịp kỷ niệm thành lập vào năm tròn.

2. “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo” được xét tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích tiêu biểu, xuất sắc được bình xét trong thực hiện phong trào thi đua do Bộ trưởng Bộ GDĐT phát động.

b) Có 02 năm liên tục được cấp có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

c) Có thành tích xuất sắc đột xuất, có phạm vi ảnh hưởng ở một trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ GDĐT hoặc có thành tích xuất sắc trong việc cứu người, cứu tài sản của Nhân dân, của Nhà nước, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch họa, dịch bệnh ở đơn vị, địa phương.

d) Có nhiều đóng góp, hỗ trợ thiết thực, hiệu quả cho ngành Giáo dục, được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và đơn vị thụ hưởng xác nhận.

đ) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong quá trình xây dựng và phát triển đơn vị, nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập vào năm tròn.

Điều 25. Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”

Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” (sau đây gọi tắt là Kỷ niệm chương, thực hiện theo Điều 6 Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT) là hình thức khen thưởng của Bộ trưởng Bộ GDĐT tặng một lần cho cá nhân trong và ngoài ngành Giáo dục được cơ quan quản lý trực tiếp xác nhận đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

1. Cá nhân trong ngành Giáo dục

a) Có thời gian công tác trong ngành Giáo dục đủ 20 năm trở lên. Trường hợp cá nhân đang công tác được cử đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự, sau đó tiếp tục nhận công tác trong ngành Giáo dục thì thời gian đi học hoặc thực hiện nghĩa vụ quân sự được tính là thời gian công tác trong ngành Giáo dục để xét tặng Kỷ niệm chương. Cá nhân có đủ thời gian công tác nhưng bị kỷ luật từ mức khiển trách đến dưới mức buộc thôi việc chỉ được xét tặng Kỷ niệm chương sau 02 năm, tính từ thời điểm hết thời hạn chịu kỷ luật; thời gian chịu kỷ luật không được tính để xét tặng Kỷ niệm chương.

b) Cá nhân đang công tác tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, các huyện nghèo được áp dụng hưởng chính sách như quy định đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được xét tặng sớm hơn so với thời gian quy định tại điểm a khoản này là 05 năm.

2. Cá nhân ngoài ngành Giáo dục

a) Đã đảm nhiệm chức vụ quản lý đủ một nhiệm kỳ (60 tháng) trở lên, có nhiều đóng góp trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần vào sự phát triển của ngành Giáo dục.

b) Có nhiều đóng góp xây dựng, ủng hộ tài chính, hiện vật cho sự phát triển ngành Giáo dục, được đơn vị thụ hưởng xác nhận.

3. Cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người nước ngoài có đóng góp tích cực vào việc xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo của Việt Nam, tăng cường quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Giáo dục Việt Nam với các nước và các tổ chức quốc tế.

Điều 26. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”

“Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” (thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) được xét tặng cho cá nhân, tập thể như sau:

1. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng TĐKT trung ương hoặc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

c) Đã được tặng bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 05 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở hoặc mưu trí, dũng cảm, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, trong thời gian đó có 05 lần được tặng giấy khen trở lên.

2. “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua do Hội đồng TĐKT trung ương hoặc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương phát động khi sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Lập được thành tích đột xuất, thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

c) Đã được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương hoặc có 02 lần được tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Điều 27. “Huân chương Lao động” hạng Ba

“Huân chương Lao động” hạng Ba (thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 24 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) được xét tặng cho cá nhân, tập thể như sau:

1. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới.

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài, liên tục trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

a) Các chức danh lãnh đạo, quản lý được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý từ 0,9 đến 1,25 hiện nay, đảm nhiệm chức vụ từ 06 năm đến dưới 10 năm.

b) Các chức vụ lãnh đạo, quản lý được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và được xếp hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,8 hiện nay, đảm nhiệm chức vụ từ 10 năm đến dưới 15 năm.

3. “Huân chương Lao động” hạng Ba để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

b) Có quá trình xây dựng, phát triển từ 10 năm trở lên, trong thời gian đó đã được tặng “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong đó có 02 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương hoặc có 01 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương và 01 Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Điều 28. “Huân chương Lao động” hạng Nhì

“Huân chương Lao động” hạng Nhì (thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 23 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) được xét tặng cho cá nhân, tập thể như sau:

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 03 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới.

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài, liên tục trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm một trong các chức vụ:

a) Các chức danh lãnh đạo, quản lý được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý từ 0,9 đến 1,25 hiện nay, đảm nhiệm chức vụ từ 10 năm đến dưới 15 năm.

b) Các chức vụ lãnh đạo, quản lý được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và được xếp hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,8 hiện nay, đảm nhiệm chức vụ từ 15 năm trở lên.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhì để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Ba và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 01 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương hoặc có 03 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 02 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Điều 29. “Huân chương Lao động” hạng Nhất

“Huân chương Lao động” hạng Nhất (thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP) được xét tặng cho cá nhân, tập thể như sau:

1. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có nhiều sáng tạo trong lao động, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục lập được thành tích xuất sắc, trong thời gian đó có 04 sáng kiến được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

b) Lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong lao động, học tập, công tác có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận hoặc lập được thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất, được giải thưởng cao ở khu vực hoặc thế giới.

c) Có phát minh, sáng chế được ứng dụng mang lại hiệu quả cao, có phạm vi ảnh hưởng và nêu gương trong toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

d) Có công trình khoa học hoặc tác phẩm xuất sắc tiêu biểu cấp nhà nước được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

2. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng hoặc truy tặng cho cá nhân có quá trình cống hiến lâu dài, liên tục trong các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đã đảm nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý từ 0,9 đến 1,25 hiện nay, đảm nhiệm chức vụ từ 15 năm trở lên.

3. “Huân chương Lao động” hạng Nhất để tặng cho tập thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được thành tích xuất sắc, có phạm vi ảnh hưởng và phổ biến học tập nêu gương toàn quốc được bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương công nhận.

b) Đã được tặng thưởng “Huân chương Lao động” hạng Nhì và 05 năm tiếp theo trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 01 lần được tặng “Cờ thi đua của Chính phủ” và 02 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương hoặc có 04 lần được tặng Cờ thi đua của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương. Đối với tập thể không thuộc đối tượng tặng cờ thi đua trong thời gian đó có 03 lần được tặng Bằng khen của cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Điều 30. Danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú”

Danh hiệu “Nhà giáo Nhân dân”, “Nhà giáo Ưu tú” được thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ và Bộ GDĐT.

Điều 31. Các hình thức khen thưởng khác

1. Khen thưởng quá trình cống hiến và quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 41, Điều 42 của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Khen thưởng cho tổ chức, cá nhân người nước ngoài

Trước khi thực hiện việc khen thưởng, các ĐVTV, ĐVTT, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, phân hiệu ĐHTN có báo cáo xin ý kiến Giám đốc ĐHTN và tham khảo ý kiến các cơ quan quản lý Nhà nước cấp tỉnh (Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh); đề nghị ĐHTN, Bộ GDĐT, ... khen thưởng.

3. Các hình thức khen thưởng khác được thực hiện theo quy định của Luật TĐKT; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Chương III

THẨM QUYỀN, PHÂN CẤP, HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 32. Thẩm quyền quyết định công nhận, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Thẩm quyền của Giám đốc ĐHTN

a) Trình Bộ trưởng Bộ GDĐT xét, trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước theo quy định cho tập thể, cá nhân trong toàn ĐHTN.

b) Trình Bộ trưởng Bộ GDĐT xét, quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động xuất sắc”, “Cờ thi đua của Bộ GDĐT”, “Chiến sĩ thi đua cấp Bộ”, “Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT”, Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” theo thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

c) Công nhận các danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị Xuất sắc khối”, “Đơn vị Giỏi khối”, “Đơn vị Khá khối” cho các ĐVTV, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, phân hiệu ĐHTN.

d) Công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” cho các đơn vị thuộc và trực thuộc ĐHTN.

đ) Công nhận danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” cho cá nhân của các đơn vị thuộc ĐHTN.

e) Tặng Giấy khen cho các tập thể, cá nhân trong toàn ĐHTN.

g) Giám đốc ĐHTN ủy quyền cho Giám đốc phân hiệu ĐHTN quyết định công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và quyết định thành lập hội đồng sáng kiến cơ sở, công nhận sáng kiến cấp cơ sở cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp.

2. Thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị

a) Trình Giám đốc ĐHTN xét, trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp bộ, tỉnh, Nhà nước.

b) Trình Giám đốc ĐHTN xét, quyết định tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Giám đốc ĐHTN.

c) Công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và tặng “Giấy khen” cho các tập thể, cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp.

Điều 33. Phân cấp xét, đề nghị các danh hiệu thi đua, khen thưởng

1. Thẩm quyền của Hội đồng TĐKT ĐHTN: Xét, đề nghị cấp trên xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước và cấp bộ (đối với thi đua thường xuyên, khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được).

2. Thẩm quyền của Thường trực Hội đồng TĐKT ĐHTN:

a) Xét, đề nghị Giám đốc ĐHTN công nhận, tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Giám đốc ĐHTN.

b) Xét, đề nghị cấp trên công nhận, tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo chuyên đề, khen thưởng đột xuất của cấp tỉnh, bộ.

3. Thẩm quyền của Hội đồng TĐKT cấp cơ sở

a) Xét, đề nghị thủ trưởng đơn vị công nhận, tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp cơ sở thuộc thẩm quyền quyết định của thủ trưởng đơn vị.

b) Xét, đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng từ cấp ĐHTN trở lên.

Điều 34. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. ĐHTN tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp ĐHTN thuộc thẩm quyền của Giám đốc ĐHTN và các hình thức khen thưởng khác nếu được ủy quyền.

2. ĐVTV, ĐVTT, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, phân hiệu ĐHTN tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của thủ trưởng đơn vị và khen thưởng các cấp khác nếu được ủy quyền.

3. Nghi thức, hình thức tổ chức trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định hiện hành. Các đơn vị trong ĐHTN khi triển khai phải báo cáo chương trình, kế hoạch trao tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng từ cấp ĐHTN trở lên trước khi tổ chức thực hiện.

Điều 35. Hội đồng thi đua, khen thưởng Đại học Thái Nguyên

1. Hội đồng TĐKT ĐHTN tham mưu cho Giám đốc ĐHTN về công tác TĐKT của ĐHTN.

2. Thành phần của Hội đồng được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư 21/2020/TT-BGDĐT.

3. Giám đốc ĐHTN quyết định thành lập Hội đồng và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng.

4. Thường trực Hội đồng TĐKT cấp ĐHTN gồm: Chủ tịch, các phó chủ tịch, Ủy viên Thường trực Hội đồng và một số thành viên khác (nếu có) do Giám đốc ĐHTN quyết định. Nhiệm vụ và quyền hạn của Thường trực Hội đồng thực hiện theo Quy chế hoạt động của Hội đồng.

Điều 36. Hội đồng thi đua, khen thưởng của đơn vị thành viên, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, phân hiệu ĐHTN, đơn vị trực thuộc Đại học Thái Nguyên và Khối cơ quan Đại học Thái Nguyên (gọi chung là Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp cơ sở)

1. Đối với đơn vị thành viên, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, phân hiệu ĐHTN, đơn vị trực thuộc ĐHTN

a) Thẩm quyền thành lập: Thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập Hội đồng TĐKT cấp cơ sở.

b) Thành phần Hội đồng

- Chủ tịch Hội đồng là thủ trưởng đơn vị.

- Hội đồng có 02 Phó Chủ tịch, bao gồm: Cấp phó của thủ trưởng đơn vị và Chủ tịch Công đoàn.

- Các ủy viên, bao gồm: Các cấp phó của thủ trưởng đơn vị, đại diện cấp ủy Đảng, Bí thư Đoàn TNCSHCM, một số Trưởng các phòng, khoa và tương đương (do thủ trưởng đơn vị quyết định) và ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng là trưởng bộ phận TĐKT hoặc người được giao phụ trách công tác TĐKT của đơn vị.

- Số lượng thành viên Hội đồng: Do thủ trưởng đơn vị quyết định.

c) Đối với các ĐVTT không đủ điều kiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thì thủ trưởng đơn vị tự quyết định.

2. Đối với Khối cơ quan ĐHTN

a) Thẩm quyền thành lập: Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập Hội đồng.

b) Thành phần Hội đồng

- Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc ĐHTN hoặc Phó Giám đốc ĐHTN được ủy quyền.

- Hội đồng có 02 Phó Chủ tịch gồm: 01 Phó Giám đốc và Chủ tịch Công đoàn Khối cơ quan ĐHTN.

- Các ủy viên, bao gồm: Các Phó Giám đốc ĐHTN, Bí thư Đoàn TNCSHCM Khối cơ quan ĐHTN, một số Trưởng Ban chức năng và tương đương (do Giám đốc ĐHTN quyết định) và ủy viên thường trực kiêm thư ký Hội đồng là trưởng bộ phận TĐKT hoặc người được giao phụ trách công tác TĐKT của ĐHTN.

c) Số lượng thành viên Hội đồng do Giám đốc ĐHTN quyết định.

3. Thường trực Hội đồng TĐKT cấp cơ sở

Thành phần, số lượng thành viên Thường trực Hội đồng TĐKT cấp cơ sở do Giám đốc ĐHTN/thủ trưởng đơn vị quyết định.

Điều 37. Hội đồng thi đua, khen thưởng của đơn vị trực thuộc cơ sở và đơn vị thuộc Đại học Thái Nguyên (gọi chung là Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp dưới cơ sở)

1. Căn cứ vào số lượng CBVC, NLĐ, cơ cấu tổ chức, tình hình thực tiễn có thể thành lập hoặc không thành lập Hội đồng TĐKT cấp dưới cơ sở.

2. Đối với các đơn vị trực thuộc cơ sở

a) Thẩm quyền thành lập: Thủ trưởng đơn vị ra quyết định thành lập Hội đồng.

b) Thành phần, số lượng thành viên Hội đồng do thủ trưởng đơn vị quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng đơn vị cấp dưới cơ sở.

3. Đối với các đơn vị thuộc ĐHTN

a) Thẩm quyền thành lập: Giám đốc ĐHTN quyết định thành lập Hội đồng.

b) Thành phần, số lượng thành viên Hội đồng do Giám đốc ĐHTN quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng đơn vị thuộc ĐHTN.

Điều 38. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng thi đua, khen thưởng

1. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và bỏ phiếu, biểu quyết theo tỷ lệ quy định. Trường hợp ý kiến các thành viên ngang nhau thì ý kiến quyết định là của Chủ tịch Hội đồng.

2. Trường hợp vắng mặt, thành viên Hội đồng phải được Chủ tịch Hội đồng đồng ý và gửi lại phiếu bầu.

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thi đua, khen thưởng

1. Tham mưu cho Giám đốc ĐHTN, thủ trưởng đơn vị triển khai các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, Bộ GDĐT về công tác TĐKT; triển khai, phát động phong trào thi đua theo thẩm quyền.

2. Tham mưu xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của đơn vị; định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng của đơn vị; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác TĐKT; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn, báo cáo cấp có thẩm quyền.

3. Tham mưu cho Giám đốc ĐHTN, thủ trưởng đơn vị quyết định tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương IV

QUY TRÌNH, THỦ TỤC HỒ SƠ CÔNG NHẬN, ĐỀ NGHỊ SÁNG KIẾN VÀ CÁC DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG; QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 40. Công nhận sáng kiến cấp cơ sở

1. Thủ trưởng đơn vị thành lập Hội đồng sáng kiến và tổ chức xét sáng kiến theo quy định tại Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ ban hành Điều lệ Sáng kiến và Thông tư số 18/2013/TT-BKHCHN ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP.

2. Thủ trưởng đơn vị ký quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở cho CBVC, NLĐ thuộc thẩm quyền quản lý trực tiếp trước khi thực hiện đánh giá CBVC, NLĐ và bình xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng hằng năm.

3. Giám đốc ĐHTN thành lập Hội đồng sáng kiến Khối cơ quan ĐHTN, tổ chức xét và ra quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở cho CBVC, NLĐ thuộc Khối cơ quan ĐHTN.

Điều 41. Công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp Bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Việc xét, nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Đề tài nghiên cứu khoa học phải có Quyết định nghiệm thu từ mức đạt trở lên mới được làm căn cứ xét, tặng danh hiệu thi đua các cấp và đề nghị khen thưởng.

Đối tượng được công nhận có đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng là Chủ nhiệm đề tài và người trực tiếp tham gia nghiên cứu đề tài.

Việc công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của đề tài nghiên cứu khoa học do thủ trưởng đơn vị xem xét, công nhận.

2. Căn cứ quy định về đối tượng, tiêu chuẩn, thành tích đạt được và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học, thủ trưởng đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng các hình thức theo quy định.

3. Thủ trưởng đơn vị căn cứ phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để xét, tặng danh hiệu thi đua cho cá nhân. Phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng ở cấp cơ sở thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”; ở cấp bộ, ban, ngành, tỉnh thì xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh”; phạm vi toàn quốc thì đề nghị xét, tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”.

4. Đối với các trường hợp đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cần đáp ứng tiêu chí có đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ được công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp toàn quốc.

Điều 42. Thủ tục, hồ sơ xác nhận sáng kiến cấp cơ sở và hồ sơ đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp Bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học cho cá nhân đề nghị các danh hiệu thi đua, khen thưởng từ cấp Bộ trở lên

1. Hồ sơ xác nhận sáng kiến cấp cơ sở được gửi về ĐHTN, gồm: Quyết định công nhận hoặc Công văn xác nhận sáng kiến cấp cơ sở cho các cá nhân được đề nghị xét Bằng khen của Bộ trưởng Bộ GDĐT, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (năm học đó) kèm theo danh sách sáng kiến cấp cơ sở (Mẫu 01).

2. Hồ sơ đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng cấp Bộ, cấp toàn quốc của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được gửi về ĐHTN, gồm:

a) Công văn đề nghị công nhận phạm vi ảnh hưởng, hiệu quả áp dụng (cấp Bộ hoặc cấp toàn quốc), tóm tắt nội dung sáng kiến của các cá nhân được đề nghị xét Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, Huân chương các loại (năm học đó) kèm theo danh sách (Mẫu 02) cùng với đơn yêu cầu công nhận phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến (Mẫu 03).

b) Minh chứng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

3. Thời hạn nộp hồ sơ, minh chứng: Các đơn vị gửi về ĐHTN trước ngày 10/7 hằng năm.

Điều 43. Quy trình bình xét, lựa chọn, suy tôn

1. Đối với xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thường xuyên theo năm học

a) Thời gian tổ chức xét: Trước ngày 30/6 hằng năm các đơn vị hoàn thành việc bình xét, công nhận hoặc đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền được phân cấp.

b) Quy trình xét duyệt

Bước 1. Cá nhân, tập thể viết báo cáo thành tích; đối chiếu với tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, tự nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; trình bày báo cáo này trước đơn vị trực tiếp quản lý. Đơn vị quản lý nhận xét, đóng góp ý kiến, đánh giá, bỏ phiếu (hoặc biểu quyết) suy tôn và lập danh sách đề nghị cấp trên xét, duyệt danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của tập thể, cá nhân.

Bước 2. Hội đồng TĐKT cấp dưới cơ sở căn cứ vào báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân; biên bản họp của đơn vị quản lý trực tiếp, đối chiếu với tiêu chuẩn để bình xét, thảo luận, bỏ phiếu suy tôn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho từng tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý và lập danh sách đề nghị Hội đồng TĐKT cấp cơ sở xem xét, công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Bước 3. Hội đồng TĐKT cấp cơ sở căn cứ vào Quyết định công nhận sáng kiến cấp cơ sở, Quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng CBVC, NLĐ và biên bản họp, hồ sơ đề nghị của Hội đồng TĐKT cấp dưới cơ sở đối chiếu với tiêu chuẩn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng để tiến hành họp xét, bỏ phiếu suy tôn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; Thông báo công khai kết quả họp (niêm yết và đăng trên website của đơn vị) trong thời gian 07 ngày làm việc trước khi trình đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Bước 4. Căn cứ kết quả họp xét của Hội đồng TĐKT cấp cơ sở, thủ trưởng đơn vị ra quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân theo thẩm quyền được phân cấp; lập hồ sơ đề nghị cấp trên xét duyệt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không thuộc thẩm quyền.

Bước 5. Căn cứ vào hồ sơ đề nghị của Hội đồng TĐKT cấp cơ sở, Hội đồng TĐKT ĐHTN hoặc Ban Thường trực Hội đồng TĐKT ĐHTN tổ chức họp xét, bỏ phiếu suy tôn các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân theo đề nghị của cấp có thẩm quyền; Thông báo công khai kết quả họp (niêm yết và đăng trên website của ĐHTN) trong thời gian 07 ngày làm việc trước khi trình đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Bước 6. Căn cứ kết quả họp của Hội đồng TĐKT hoặc Ban Thường trực Hội đồng TĐKT ĐHTN, Giám đốc ĐHTN ra quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo thẩm quyền và lập hồ sơ trình cấp trên xét, công nhận hoặc đề nghị công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng không thuộc thẩm quyền.

2. Đối với xét danh hiệu thi đua khối

Được thực hiện theo quy định và các hướng dẫn hiện hành của ĐHTN, tỉnh Thái Nguyên, Bộ GDĐT.

3. Đối với xét khen thưởng cho người học

a) Ban chức năng phụ trách công tác người học triển khai, hướng dẫn, thẩm định hồ sơ khen thưởng đối với người học trên cơ sở các quy định về người học của ĐHTN và gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng về Ban Pháp chế và Thi đua.

b) Ban Pháp chế và Thi đua phối hợp với Ban chức năng phụ trách công tác người học để kiểm tra, rà soát, tổng hợp hồ sơ đề nghị khen thưởng và trình Hội đồng TĐKT ĐHTN xem xét.

Điều 44. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng gửi về ĐHTN, gồm:

a) Tờ trình đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của đơn vị, danh sách đề nghị xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống (theo Mẫu 04).

b) Trích biên bản họp Hội đồng TĐKT (theo Mẫu 05).

c) Trích ngang thành tích của tập thể, cá nhân (theo Mẫu 06).

d) Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân (theo Mẫu 07a, 07b, 7c, 7d, 7đ).

đ) Báo cáo kết quả bình xét thi đua và đánh giá, xếp loại chất lượng CBVC, NLĐ của đơn vị.

e) Công văn xác nhận kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng CBVC, NLĐ đối với cá nhân đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

g) Quyết định công nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng theo phân cấp.

2. Số lượng hồ sơ nộp về ĐHTN

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước: 05 bộ.

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp tỉnh, bộ: 02 bộ.

c) Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Đại học: 01 bộ.

3. Thời hạn nộp hồ sơ

a) Hồ sơ đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: “Cờ thi đua cấp tỉnh”, “Cờ thi đua cấp bộ”; “Tập thể lao động xuất sắc”; “Chiến sĩ thi đua cấp bộ”; “Bằng khen” của tỉnh, bộ; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục”; “Giấy khen của Giám đốc ĐHTN”... gửi về ĐHTN (qua Ban Pháp chế và Thi đua) trước ngày 10/7 hằng năm.

b) Hồ sơ đề nghị danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng: “Cờ thi đua của Chính phủ”; “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”; Huân chương các loại; “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ”,... gửi về ĐHTN (qua Ban Pháp chế và Thi đua) trước ngày 31/8 hằng năm.

c) Hồ sơ đề nghị xét khen thưởng thành tích xuất sắc đột xuất chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc đột xuất.

Điều 45. Thủ tục, hồ sơ đơn giản

Các trường hợp xét khen thưởng theo thủ tục đơn giản được thực hiện theo quy định tại Điều 85 của Luật TĐKT và Điều 55 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 46. Quản lý, lưu trữ hồ sơ

1. Các ĐVTV/ĐVTT, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, phân hiệu ĐHTN, Trường Ngoại ngữ, Khoa Quốc tế chịu trách nhiệm lập, lưu trữ đầy đủ hồ sơ TĐKT từ cấp cơ sở trở lên và hồ sơ, minh chứng sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.
2. ĐHTN quản lý, lưu trữ đầy đủ hồ sơ TĐKT từ cấp Đại học trở lên.
3. Chế độ quản lý, lưu trữ hồ sơ thực hiện theo quy định hiện hành về văn thư, lưu trữ.

Điều 47. Nguồn kinh phí, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn và mức trích lập quỹ TĐKT được thực hiện theo Điều 64 và Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Mức trích lập quỹ không vượt quá 20% tổng quỹ tiền lương theo chức vụ, ngạch, bậc, cấp hàm của số CBVC trong biên chế và tiền công được duyệt cả năm.

2. Sử dụng và quản lý quỹ TĐKT

- a) Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.
- b) Quỹ TĐKT được sử dụng để chi:
 - Chi thưởng theo các quyết định khen thưởng.
 - Chi nghiệp vụ gồm: Tổ chức họp xét, thẩm định hồ sơ TĐKT, in giấy chứng nhận, giấy khen, bằng khen, làm khung bằng, thêu cờ, trướng, làm hiện vật khen thưởng...
 - Trích 20% trong tổng Quỹ TĐKT của từng cấp để chi tổ chức, chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác TĐKT.

c) Mức chi thực hiện theo quy định tài chính hiện hành.

d) Mức thưởng cho một số danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được thực hiện theo quy định từ Điều 69 đến Điều 75 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương tối thiểu chung được làm tròn lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

Điều 48. Trách nhiệm và nguyên tắc chi khen thưởng

1. Trách nhiệm chi khen thưởng

a) ĐHTN chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho tập thể, cá nhân đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do Giám đốc ĐHTN quyết định công nhận; chi thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được Bộ GDĐT công nhận, trao tặng cho tập thể, cá nhân thuộc Khối cơ quan ĐHTN.

b) Các ĐVTV, ĐVTT, Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, phân hiệu ĐHTN (có tài khoản và con dấu) chịu trách nhiệm chi tiền thưởng cho các tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng do thủ trưởng đơn vị quyết định công nhận; chi thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được Bộ GDĐT công nhận, trao tặng cho tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý.

c) Tập thể, cá nhân được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, được Bộ GDĐT khen thưởng khi lập thành tích xuất sắc đột xuất do Bộ GDĐT chi thưởng.

d) Các hình thức khen thưởng khác không thuộc Bộ GDĐT được thực hiện theo quy định của cơ quan quyết định khen thưởng.

2. Nguyên tắc chi thưởng

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn.

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân.

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất.

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó là khác nhau, thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua.

đ) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua, vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của cả danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 49. Tổ chức thực hiện

1. Công tác TĐKT trong ĐHTN được thực hiện theo Quy định này, các nội dung khác về công tác TĐKT không quy định trong văn bản này được thực hiện theo các quy định của: Luật TĐKT; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Thông tư số 21/2020/TT-BGDĐT; Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ; Thông tư số 05/2020/TT-BNV ngày 09/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 và các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo về công tác TĐKT của các cơ quan có thẩm quyền.

2. Thủ trưởng đơn vị căn cứ vào Quy định này để cụ thể hóa các quy định của đơn vị về công tác TĐKT phù hợp với tình hình thực tiễn.

3. Ban Pháp chế và Thi đua hướng dẫn, giám sát các đơn vị trong ĐHTN thực hiện các quy định của pháp luật và quy định của ĐHTN về công tác TĐKT.

4. Tập thể, cá nhân được đề nghị tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định về hồ sơ, thủ tục, thời hạn gửi hồ sơ theo quy định.

5. Hội đồng TĐKT ĐHTN định kỳ đánh giá việc chấp hành các quy định của Luật TĐKT và quy định về công tác TĐKT của Bộ GDĐT, ĐHTN; đề xuất các giải pháp đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả phong trào thi đua trong toàn ĐHTN.

Điều 50. Quy định về sửa đổi, bổ sung

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản mới đó.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề chưa phù hợp thì các đơn vị phản ánh bằng văn bản về ĐHTN (qua Ban pháp chế và Thi đua) để ĐHTN xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHTN ngày tháng năm 2021
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	Loại mẫu	Nội dung
1.	Mẫu 01	Danh sách và tóm tắt nội dung sáng kiến đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ (hoặc cấp toàn quốc)
2.	Mẫu 02	Danh sách và tóm tắt nội dung đề tài nghiên cứu khoa học đề nghị xét công nhận hiệu quả áp dụng, phạm vi ảnh hưởng cấp Bộ, cấp toàn quốc
3.	Mẫu 03	Báo cáo mô tả sáng kiến
4.	Mẫu 04	Tờ trình đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của đơn vị (danh sách đề nghị xếp theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống)
5.	Mẫu 05	Trích biên bản họp Hội đồng thi đua, khen thưởng
6.	Mẫu 06	Trích ngang thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng cấp Đại học, cấp bộ
7.	Mẫu 07a	Báo cáo thành tích của tập thể
8.	Mẫu 07b	Báo cáo thành tích của cá nhân (dành cho cán bộ quản lý)
9.	Mẫu 07c	Báo cáo thành tích của cá nhân (dành cho đối tượng khác)
10.	Mẫu 07d	Báo cáo thành tích của tập thể (Anh hùng lao động)
11.	Mẫu 07đ	Báo cáo thành tích của cá nhân (khen cống hiến)
12.	Mẫu 08	Báo cáo kết quả bình xét thi đua và đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, viên chức, người lao động của đơn vị
13.	Mẫu 09	Tóm tắt thành tích các cá nhân đề nghị công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp bộ, chiến sĩ thi đua toàn quốc
14.	Mẫu 10	Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước